

Số: 03 /TB-HĐTL

Đắk Lắk, ngày 23 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, CCDC, vật tư thu hồi

Căn cứ luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024;

Căn cứ luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15 Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2042/QH15, Luật số 43/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ tư pháp quy định về chi tiết và hướng dẫn thi hành luật đấu giá tài sản số 01/2026/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-TCTCHKVN ngày 15/01/2026 về việc phê duyệt kết quả thẩm định giá cho tài sản cố định, công cụ dụng cụ, vật tư thu hồi của Tổng công ty Cảng hàng không Buôn Ma Thuột

Cảng hàng không Buôn Ma Thuột thông báo về việc lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản, CCDC, vật tư thu hồi (có danh sách cụ thể kèm theo) như sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá.

1.1 Tên đơn vị: Cảng hàng không Buôn Ma Thuột – Chi Nhánh Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP

1.2 Địa chỉ: Thôn 3, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

2. Tên tài sản, CCDC, vật tư thu hồi bán đấu giá

Số lượng tài sản, CCDC, vật tư thu hồi (có danh sách kèm theo)



3. Giá khởi điểm tài sản:

Giá khởi điểm tài sản, CCDC, vật tư thu hồi: 134.873.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng chẵn) giá này chưa bao gồm phí VAT.

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, CCDC, vật tư thu hồi bao gồm các tiêu chí sau:

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo cho việc đấu giá đối với loại tài sản, CCDC, vật tư thu hồi đấu giá;

- Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả;

Năng lực kinh nghiệm uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, CCDC, vật tư thu hồi;

Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ tư pháp công bố;

Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá.

(chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

5. Cách thức, hồ sơ: thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

Tổ chức đấu giá nộp 01 bản tự chấm điểm theo thông báo này và 01 bộ hồ sơ năng lực, phương án tổ chức đấu giá tài sản, đóng quyền có đầy đủ tài liệu đính kèm, được để trong phong bì dán niêm phong.

Thời gian nhận hồ sơ: Từ 7 giờ 30 phút, ngày 23/01/2026 đến 17 giờ 00 phút, ngày 28/01/2026 (trong giờ hành chính)

Địa điểm nhận hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

Cảng hàng không Buôn Ma Thuột (Phòng Tài chính – Kế hoạch), địa chỉ: Thôn 3, phường Tân Lập, tỉnh Đắk Lắk

Lưu ý:

- Phương thức gửi hồ sơ: Nhà cung cấp dịch vụ nộp trực tiếp/bưu điện/chuyển phát nhanh đến địa chỉ của bên mời chào giá nhưng phải đảm bảo bên mời chào giá nhận được trước thời hạn gửi hồ sơ chào giá. Các hồ sơ chào giá được gửi đến sau thời hạn gửi hồ sơ sẽ không được xem xét.

- Nếu tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn đến hết 17h00 của ngày cuối cùng trong thời hạn như trên Cảng hàng không Buôn Ma Thuột thông báo lựa chọn gửi qua bưu điện mà không đến làm thủ tục ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản thì

xem như từ chối ký kết hợp đồng và Cảng hàng không Buôn Ma Thuật sẽ liên hệ với tổ chức đấu giá tài sản có các tiêu chí phù hợp thứ 2 (sau tổ chức thứ nhất được chọn) để ký kết hợp đồng.

- Không hoàn lại đối với các hồ sơ không được chọn.

Cảng hàng không Buôn Ma Thuật thông báo để các Tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký./.

Nơi nhận: *Vmm*

- Thông báo trang TTĐT;
- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản của Bộ tư pháp;
- Lưu VT, Thu01b.

**TM.HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoàng Anh

**PHỤ LỤC I - BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC
HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0

1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	12,0
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	13,0
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	14,0
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>	4,0
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>	5,0
2.3	<i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>	6,0
2.4	<i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	<i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>	4,0
3.2	<i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>	5,0
3.3	<i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>	6,0
3.4	<i>Từ 50 cuộc trở lên</i>	7,0

	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	
4.	Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá	4,0

	<i>viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0

1	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá.	3,0
2	Đủ điều kiện để tổ chức đấu giá trực tuyến	3,0
3	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (Trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở Chi nhánh.	2,0
Tổng số điểm		100



DANH MỤC TÀI SẢN ĐỀ NGHỊ THANH LÝ TẠI CHK BUÔN MA THUỘT (PHỤ LỤC 01)

ĐVT: VNĐ

STT	Mã CCDC	Tên công cụ dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ngày bắt đầu SD	Nguyên Giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng	Đã phê duyệt
1	1209T010036	Máy soi hành lý xách tay Smiths _ Hi-Scan 755Si (SN: 110820)	Cái	1	25/11/2011	861,115,331		Hư đầu phát, không có vật tư thay thế	
2	1303X010011	Xe Mazda 323 5chỗ - SBBMT	Cái	1	2/2/2002	331,910,500		Hư hỏng Hết hạn sử dụng	
3	1301X070028	Xe đầu kéo Harlan(đợt T12/07) - Cty SASG 8	Cái	1	31/12/2007	581,412,493		Hư hỏng Không có vật tư thay thế	
4	1301X070029	Xe đầu kéo Harlan(đợt T12/07) - Cty SASG 9	Cái	1	31/12/2007	581,412,493		Hư hỏng Không có vật tư thay thế	
5	1204M010002	Máy cấp điện khởi động MB - SBBMT	Cái	1	1/1/1994	597,213,000		Hư điều khiển, Hết hạn sử dụng	
6	1220M020020	Máy chà sàn liên hợp Nilfisk model CA531 _ Cảng HK BMT	Cái	1	2/12/2011	136,500,000		Hư hỏng	QĐ4902, 22/11/2023
7	1220M020021	Máy chà sàn liên hợp Nilfisk model CA531 _ Cảng HK BMT	Cái	1	2/12/2011	136,500,000		Hư hỏng	QĐ4902, 22/11/2023
		Tổng cộng		7		3,226,063,817			

DANH MỤC CCDC ĐỀ NGHỊ THANH LÝ TẠI CHK BUÔN MA THUỘT (PHỤ LỤC 02)

ĐVT: VNĐ

STT	Mã CCDC	Tên công cụ dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ngày bắt đầu SD	Nguyên Giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng	Đã phê duyệt
1	03BDA08X002	Bộ đàm cầm tay	Cái	8	12/31/2008	6,720,000		Hư hỏng, hết hạn sử dụng, không có vật tư thay thế	
2	03BDA11X001	Bộ đàm cái	Cái	1	12/10/2011	1,018,182		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023
3	03BDA11X002	Bộ đàm cầm tay	Cái	1	12/10/2011	840,000		Hư hỏng, hết hạn sử dụng, không có vật tư thay thế	
4	03BDA150003	Bộ đàm Motorola CP 1660	Cái	3	12/31/2015	11,563,560		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023
5	03BDC160001	Bộ đàm Motorola CP1300 VHF	Cái	1	31/3/2016	3,795,250		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023
6	03BDA170002	Bộ đàm	Cái	3	15/12/2017	12,797,202		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023
7	03BGH00X001	Ghế gỗ dài	Cái	35	1/1/2000	25,390,911		Hư hỏng, hết hạn sử dụng, gãy	
8	03BGH07X001	Băng ghế nhựa màu	Băng	37	12/31/2007	55,277,007		Hư hỏng, gãy, bể, hết hạn sử dụng	
9	03BGL08X001	Ghế giám đốc	cái	2	12/31/2008	1,040,000		Hư hỏng, gãy, hết HSD	
10	03BGL11X004	Bàn gỗ dài kiểu quầy bar	Cái	1	12/10/2011	2,240,000		Hư hỏng, tháo từ phòng thương gia	
11	03BGL11X006	Bộ bàn ghế đệm nâu sáng (1 bàn 4 ghế)	Bộ	4	12/10/2011	5,818,182		Hư hỏng, phòng thương gia không sử dụng	
12	03BGL11X007	Bộ bàn ghế đệm nâu tối (1 bàn 4 ghế)	Bộ	4	12/10/2011	2,400,000		Hư hỏng, phòng thương gia không sử dụng	
13	03BGL11X008	Bộ bàn ghế màu ghi sáng	Bộ	3	12/10/2011	1,800,000		Hư hỏng, phòng thương gia không sử dụng	
14	03BGL11X026	Ghế gỗ dài	Cái	1	12/10/2011	120,000		Hư hỏng, gãy, hết HSD	
15	03BGL13X001	Ghế giám đốc	Cái	1	7/1/2013	1,040,000		Hư hỏng, Hết HSD	
16	03BGL11X019	Bàn gỗ làm việc (gỗ ép)	Cái	1	12/10/2011	240,000		Hư hỏng, hết HSD	



STT	Mã CCDC	Tên công cụ dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ngày bắt đầu SD	Nguyên Giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng	Đã phê duyệt
17	03BGL11X011	Bàn gỗ làm việc	Cái	7	12/10/2011	13,230,000		Hư hỏng, hết HSD	
18	03BGL11X012	Bàn gỗ	Cái	1	12/10/2011	246,000		Hư hỏng, hết HSD	
19	03BGL11X013	Bàn gỗ	Cái	1	12/10/2011	246,000		Hư hỏng, hết HSD	
20	03BGL11X014	Bàn gỗ theo bộ	Cái	1	12/10/2011	180,000		Hư hỏng, hết HSD	
21	03BGL11X015	Bàn gỗ làm việc	Cái	3	12/10/2011	5,670,000		Hư hỏng, hết HSD	
22	03BGL11X016	Bàn gỗ theo bộ	Cái	1	12/10/2011	180,000		Hư hỏng, hết HSD	
23	03BGL11X018	Bàn gỗ ép	Cái	2	12/10/2011	360,000		Hư hỏng, hết HSD	
24	03GKA150001	Ghế khác	Cái	1	7/27/2015	420,000		Hư hỏng, hết HSD	
25	03GKA150004	Ghế khác - ghế nệm tròn	Bộ	20	9/3/2015	16,000,000		Hư hỏng, cũ từ phòng khách thương gia	
26	03GKA220004	Ghế tựa nệm mút Sofa	Cái	1	10/27/2022	19,000,000		Hư hỏng, cũ từ phòng khách thương gia	
27	03GLV150005	Ghế làm việc	Cái	1	6/22/2015	580,000		Hư hỏng, gãy chân ghế	
28	03GLV150006	Ghế làm việc	Cái	4	6/22/2015	2,320,000		Hư hỏng, gãy chân ghế	
29	03GLV150007	Ghế làm việc	Cái	8	6/22/2015	3,040,000		Hư hỏng, gãy chân ghế	
30	03GLV150009	Ghế làm việc	Cái	2	6/22/2015	760,000		Hư hỏng, gãy chân ghế	
31	03SAL150001	Bàn ghế salon (SOFA)	Cái	1	6/1/2015	8,500,000		Hư hỏng, hết HSD	
32	03BNU12X001	Bình nước nóng lạnh	Cái	1	5/15/2012	885,000		Hư hỏng, không có vật tư thay thế	
33	03DCA11X002	Áo phát quang	Cái	12	12/10/2011	240,000		Hư hỏng, rách	
34	03DCA11X004	Dùi cui cao su	Cái	1	12/10/2011	20,000		Hư hỏng, gãy, nứt	Giao nộp cho công an
35	03DCA14X001	Roi điện	Cái	1	1/1/2014	2,800,000		Hư hỏng, hư nguồn điện	
36	03GTH230001	Gậy đánh tín hiệu tàu bay SM6011GS	Cái	2	5/4/2023	1,500,000		Hư hỏng, gãy, hết HSD	
37	03MDK170001	Máy dò kim loại	Cái	2	12/13/2017	10,780,000		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023
38	03MDK180001	Máy dò kim loại	Cái	2	12/25/2018	10,780,000		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023
39	03MDK200002	Máy dò kim loại cầm tay Fisher CW-10	Cái	3	10/21/2020	19,050,000		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023

STT	Mã CCDC	Tên công cụ dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ngày bắt đầu SD	Nguyên Giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng	Đã phê duyệt
40	03ANN200001	Ấm đun nước siêu tốc Sunhouse	Cái	1	12/15/2020	162,727		Hư hỏng, không có vật tư thay thế	
41	03ANN210001	Ấm nấu nước siêu tốc	Cái	1	1/22/2021	350,000		Hư hỏng, không có vật tư thay thế	
42	03ANN210002	Ấm nấu nước siêu tốc	Cái	1	3/24/2021	650,000		Hư hỏng, không có vật tư thay thế	
43	03BTH180005	Bình thủy điện Sharp	Cái	1	12/11/2018	850,000		Hư hỏng, không có vật tư thay thế	
44	03DCB11X004	Bình nước nóng điện 4l	Cái	1	12/10/2011	100,000		Hư hỏng, không có vật tư thay thế	
45	03KCL220001	Tủ đựng ly	Cái	2	10/27/2022	3,300,000		Hư hỏng, tháo từ phòng thương gia	
46	03DPI230003	Đèn pin đội đầu ML6	Cái	1	11/9/2023	127,273		Hư hỏng, hết HSD	
47	03CXE230001	Chén bánh xe ô tô	Cái	40	12/11/2023	19,900,000		Hư hỏng, vỡ	
48	03DCK00X001	Vách ngăn đôi	Cái	4	1/1/2000	1,070,400		Hư hỏng, tháo từ phòng thương gia	
49	03DUU180001	Dù	Cái	4	7/10/2018	800,000		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023
50	03DUU180001	Dù	Cái	6	10/7/2018	1,200,000		Hư hỏng, gãy	
51	03DUU180002	Dù	Cái	1	10/7/2018	200,000		Hư hỏng, gãy	
52	03DUU190002	Dù hai tầng	Cái	2	8/22/2019	470,000		Hư hỏng, gãy	
53	03DUU190003	Dù hai tầng	Cái	9	8/22/2019	2,115,000		Hư hỏng, gãy	
54	03DUU190004	Dù hai tầng	Cái	2	8/22/2019	470,000		Hư hỏng, gãy	
55	03KHA160009	USB	Cái	2	9/21/2016	490,908		Hư hỏng, hết HSD	
56	03KHA230001	Khóa móc	Cái	1	9/29/2023	300,000		Hư hỏng, không khóa được	
57	03SAC210001	Máy sục ắc quy	Cái	1	12/23/2021	3,900,000		Hư hỏng, hết HSD	
58	03BCC180001	Bình chữa cháy MFZ8(ABC)	Cái	12	4/17/2018	5,400,000		Hư hỏng, hết HSD	
59	03BCC180002	Bình chữa cháy MFZ4(BC)	Cái	3	4/17/2018	750,000		Hư hỏng, hết HSD	
60	03BCC180003	Bình chữa cháy MFZ2(BC)	Cái	10	4/17/2018	2,000,000		Hư hỏng, hết HSD	
61	03BCC180004	Bình chữa cháy MFZ1(BC)	Cái	1	4/17/2018	170,000		Hư hỏng, hết HSD	

STT	Mã CCDC	Tên công cụ dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ngày bắt đầu SD	Nguyên Giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng	Đã phê duyệt
62	03BCC220001	Bình PCCC MFZ1	Cái	10	4/25/2022	1,450,000		Hư hỏng, hết HSD	
63	03BCC220002	Bình PCCC MFZ2	Cái	10	4/25/2022	1,550,000		Hư hỏng, hết HSD	
64	03BCC220003	Bình PCCC MFZ8	Cái	10	4/25/2022	3,150,000		Hư hỏng, hết HSD	
65	03DBN200001	Dây bơm(25m)	Cái	1	2/25/2020	2,500,000		Hư hỏng, hết HSD	
66	03DCP00X001	Bình chữa cháy lớn	Cái	1	1/1/2000	440,000		Hư hỏng, hết HSD	
67	03VCC200002	Vòi chữa cháy DN65-20m	Cái	3	9/1/2020	2,364,000		Hư hỏng, hết HSD	
68	03DCT11X011	Tivi Panasonic 42 inch	Cái	1	12/10/2011	2,060,000		Hư hỏng, cháy màn hình	
69	03DCT00X009	Tivi LG	Cái	3	1/1/2000	1,030,908		Hư hỏng, cháy màn hình	
70	03DCT00X023	Tivi Sharp	Cái	5	1/1/2000	1,718,180		Hư hỏng, cháy màn hình	
71	03MIC200001	Micro	Cái	2	5/25/2020	2,500,000		Hư hỏng, hết HSD	
72	03GIU00X002	Giường cá nhân	Cái	2	1/1/2000	540,000		Hư hỏng, mục, gãy chân	
73	03GIU00X003	Giường cá nhân	Cái	2	1/1/2000	540,000		Hư hỏng, mục, hết HSD	
74	03GIU00X008	Giường	Cái	1	1/1/2000	257,800		Hư hỏng, mục, hết HSD	
75	03GIU00X010	Giường cá nhân	Cái	1	1/1/2000	270,000		Hư hỏng, mục, hết HSD	
76	03GIU00X012	Giường	Cái	1	1/1/2000	257,800		Hư hỏng, mục, hết HSD	
77	03GIU00X013	Giường	Cái	1	1/1/2000	257,800		Hư hỏng, mục, hết HSD	
78	03GIU00X015	Giường	Cái	1	1/1/2000	257,800		Hư hỏng, mục, hết HSD	
79	03GIU00X017	Giường cá nhân	Cái	2	1/1/2000	540,000		Hư hỏng, mục, hết HSD	
80	03GIU00X019	Giường cá nhân	Cái	2	1/1/2000	540,000		Hư hỏng, mục, hết HSD	
81	03GIU00X020	Giường	Cái	1	1/1/2000	257,800		Hư hỏng, mục, hết HSD	
82	03GIU00X022	Giường	Cái	1	1/1/2000	257,800		Hư hỏng, mục, hết HSD	
83	03GIU00X024	Giường	Cái	1	1/1/2000	257,800		Hư hỏng, mục, hết HSD	
84	03GIU00X026	Giường	Cái	1	1/1/2000	257,800		Hư hỏng, mục, hết HSD	
85	03GIU00X027	Nệm	Cái	1	1/1/2000	939,000		Hư hỏng, hết HSD	
86	03GIU00X028	Nệm	Cái	1	1/1/2000	939,000		Hư hỏng, hết HSD	
87	03GIU00X029	Nệm	Cái	1	1/1/2000	939,000		Hư hỏng, hết HSD	

STT	Mã CCDC	Tên công cụ dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ngày bắt đầu SD	Nguyên Giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng	Đã phê duyệt
88	03GIU00X030	Nệm	Cái	1	1/1/2000	939,000		Hư hỏng, hết HSD	
89	03GIU00X031	Nệm	Cái	3	1/1/2000	2,817,000		Hư hỏng, hết HSD	
90	03GIU00X037	Nệm	Cái	1	1/1/2000	939,000		Hư hỏng, hết HSD	
91	03GIU00X043	Nệm	Cái	2	1/1/2000	1,878,000		Hư hỏng, hết HSD	
92	03GIU00X044	Nệm	Cái	2	1/1/2000	1,878,000		Hư hỏng, hết HSD	
93	03GIU150001	Giường	Cái	2	2/14/2015	3,000,000		Hư hỏng, hết HSD	
94	03GIU150002	Giường	Cái	2	2/14/2015	1,000,000		Hư hỏng, hết HSD	
95	03GIU150005	Giường	Cái	1	4/8/2015	1,500,000		Hư hỏng, hết HSD	
96	03GIU150006	Giường	Cái	2	4/8/2015	4,000,000		Hư hỏng, hết HSD	
97	03GIU160002	Giường xếp	Cái	1	3/31/2016	650,000		Hư hỏng, gãy	
98	03GIU160006	Giường xếp	Cái	1	8/18/2016	650,000		Hư hỏng, gãy	
99	03GIU200001	Giường xếp	Cái	4	2/15/2020	2,600,000		Hư hỏng, gãy	
100	03NEM150002	Nệm	Cái	2	2/14/2015	2,200,000		Hư hỏng, hết HSD	
101	03NEM150003	Nệm	Cái	1	4/8/2015	1,100,000		Hư hỏng, hết HSD	
102	03NEM150004	Nệm	Cái	2	4/8/2015	2,800,000		Hư hỏng, hết HSD	
103	03KDH230002	Khay nhựa an ninh đựng hành lý xách tay (Khay đổi)	Cái	200	8/30/2023	79,200,000		Hư hỏng, cũ, bể	
104	03MCH160001	Máy chiếu	Cái	1	9/19/2016	16,954,546		Hư hỏng, không có vật tư thay thế	
105	03MCU180001	Máy cưa	Cái	1	5/4/2018	2,100,000		Hư hỏng, hết HSD	
106	03DND200001	Nhiệt kế Bcuer Medical	Cái	1	2/27/2020	1,320,000		không đo được	QĐ 4902-22/11/2023
107	03DND200003	Nhiệt kế hồng ngoại Omrom	Cái	1	5/9/2000	2,200,000		không đo được	QĐ 4902-22/11/2023
108	03MFA10X001	Máy fax Panasonic	Cái	1	6/4/2010	1,871,800		Hư hỏng, hết HSD	

STT	Mã CCDC	Tên công cụ dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ngày bắt đầu SD	Nguyên Giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng	Đã phê duyệt
109	03MFA150001	Máy fax	Cái	1	11/30/2015	2,272,727		Hư hỏng, hết HSD	
110	03MPH00X001	Máy phát điện Honda	Cái	1	1/1/2000	2,180,000		Hư hỏng, hết HSD	
111	03BUC190001	Bục để tượng Bác Hồ	Cái	1	1/9/2019	3,000,000		Hư hỏng, cũ mục	
112	03KKH220002	Kệ trang trí góc tường	Cái	1	10/27/2022	5,500,000		Hư hỏng, tháo từ phòng thương gia	
113	03KKH220003	Kệ gắn liền hai bên ghế Sofa	Cái	2	10/27/2022	4,400,000		Hư hỏng, tháo từ phòng thương gia	
114	03TBK00X023	Tủ gỗ 3 ngăn	Cái	1	1/1/2000	900,000		Hư hỏng, hết HSD	
115	03TBK11X011	Kệ ti vi lớn	Cái	1	12/10/2011	452,727		Hư hỏng, tháo từ phòng thương gia	
116	03TBK11X013	Kệ đặt cho tivi 42"	Cái	1	12/10/2011	240,000		Hư hỏng, tháo từ phòng thương gia	
117	03TKH220001	Tủ khác	Cái	1	10/27/2022	4,500,000		Hư hỏng, tháo từ phòng thương gia	
118	03TKH220002	Tủ che hộp PCCC	Cái	1	10/27/2022	6,500,000		Hư hỏng, tháo từ phòng thương gia	
119	03DCB11X001	Lò vi sóng Sanyo 23l	Cái	1	12/10/2011	410,909		Hư hỏng, hết HSD	
120	03BHO150003	Bàn họp	Cái	6	22/06/2015	6,600,000		Hư hỏng, hết HSD	
121	03CPU220005	CPU MVTIC (Hoàng Trọng Đăng Khoa)	Cái	1		0		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023
122	03CPU220006	CPU MVTIC (Phan Thị Khánh Linh)	Cái	1		0		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023
123	03CPU220007	CPU MVTIC (Phạm Nữ Hằng Anh)	Cái	1		0		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023
124	03CPU220009	CPU MVTIC (Nguyễn Như Hải)	Cái	1		0		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023
125	03CPU220010	CPU MVTIC (Tổ ANSC)	Cái	1		0		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023
126	03CPU220011	CPU MVTIC (Tổ ANKS)	Cái	1		0		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023
127	03CPU220008	CPU MVTIC (Tổ Cán bộ trọng tài)	Cái	1		0		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023
128	03DPI190002	Đèn pin xách tay-8006	Cái	3	16/11/2019	1,990,909		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023
129	03DPI200001	Đèn pin cầm tay	Cái	5	1/9/2020	2,420,000		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023
130	03CHT220001	Camera hành trình SJCAM A10+ Thẻ nhớ Sandisk Class 10UI-128Gb	Máy	1	21/06/2022	2,749,000		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023
131	03MIN06X001	Máy in HP Laserjet 1102	Cái	1	31/12/2006	372,727		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023
132	03XDA170001	Xe đẩy	Cái	20	30/06/2017	146,000,000		Hư hỏng	10 QĐ 4902-22/11/2023
133	03XEE11X001	Xe lăn	Cái	3	10/12/2011	3,105,000		Hư hỏng, hư bánh xe	

STT	Mã CCDC	Tên công cụ dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ngày bắt đầu SD	Nguyên Giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng	Đã phê duyệt
134	03XEE07X001	Xe lăn	Cái	1	31/12/2007	1,050,000		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023
135	03UPS00X001	UPS Ares	Cái	1	1/1/2000	494,000		Hư hỏng, hết HSD	
136	03UPS200001	UPS Maruson 700VA	Cái	6	6/7/2020	5,454,546		Hư hỏng, hết HSD	
137	03QUT00X004	Quạt treo tường	Cái	2	1/1/2000	140,000		Gãy, không quay	
138	03QUT00X005	Quạt treo tường	Cái	1	1/1/2000	70,000		Hư nguồn điện	
139	03QUT00X006	Quạt đứng	Cái	1	1/1/2000	128,000		Gãy, không quay	
140	03QUT00X007	Quạt cây Lifan	Cái	1	1/1/2000	90,000		Hư hỏng	QĐ 4902-22/11/2023
141	03QUT00X008	Quạt treo tường Asia	Cái	1	1/1/2000	63,455		Gãy, không quay	
142	03QUT11X001	Quạt treo tường Senko	Cái	1	10/12/2011	60,000		Gãy, không quay	
143	03QUT11X005	Quạt treo tường	Cái	4	10/12/2011	280,000		rỉ sắt, thùng dẽ	
144	03TRI190001	Thùng rác inox VB-A35G(nắp lật)	Cái	5	19/09/2022	5,550,000		rỉ sắt, thùng dẽ	
145	03TRA11X002	Thùng rác inox	Cái	1	10/12/2011	145,000		rỉ sắt, thùng dẽ	
146	03TRA11X003	Thùng rác inox	Cái	2	10/12/2011	290,000		rỉ sắt, thùng dẽ	
147	03TRA11X004	Thùng rác inox	Cái	1	10/12/2011	145,000		rỉ sắt, thùng dẽ	
148	03TRA11X005	Thùng rác inox	Cái	2	10/12/2011	290,000		rỉ sắt, thùng dẽ	
149	03TRA11X007	Thùng rác inox	Cái	2	10/12/2011	290,000		rỉ sắt, thùng dẽ	
150	03TRA11X008	Thùng rác inox	Cái	1	10/12/2011	145,000		rỉ sắt, thùng dẽ	
151	03TLA00X001	Tủ lạnh San Yo	Cái	1	1/1/2000	961,818		Hư hỏng không giữ điện	
152	03TLA00X002	Tủ lạnh San Yo	Cái	1	1/1/2000	961,818		Hư hỏng không giữ điện	
153	03TLA00X003	Tủ lạnh San Yo	Cái	1	1/1/2000	961,818		Hư hỏng không giữ điện	
154	03TLA00X004	Tủ lạnh San Yo	Cái	1	1/1/2000	961,818		Hư hỏng không giữ điện	
155	03TLA00X005	Tủ lạnh San Yo	Cái	1	1/1/2000	961,818		Hư hỏng không giữ điện	
156	03TLA00X006	Tủ lạnh San Yo	Cái	1	1/1/2000	961,818		Hư hỏng không giữ điện	
157	03MDH150005	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	6/3/2015	8,722,728		không có vật tư thay thế	QĐ 4902-22/11/2023
		Tổng cộng		686		674,106,072			

TỔNG CÔNG TY CẢNG HK VIỆT NAM - CTCP
CẢNG HK BUỒN MA THUỘT

DANH MỤC VẬT TƯ ĐỀ NGHỊ THANH LÝ TẠI CHK BUỒN MA THUỘT (PHỤ LỤC 03)

STT	Tên công cụ dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Hiện trạng	Đã được phê duyệt
1	Đầu báo cháy	Cái	18	Hư hỏng	QĐ4902, 22/11/2023
2	Board máy lạnh	Cái	2	Hư hỏng	QĐ4902, 22/11/2023
3	Hộp đèn compaq	Cái	6	Hư hỏng	QĐ4902, 22/11/2023
4	Quạt hút	Cái	1	Hư hỏng	QĐ4902, 22/11/2023
5	Màn hình máy tính	Cái	3	Hư hỏng	QĐ4902, 22/11/2023
6	Cảm biến nhiệt máy lạnh	Cái	2	Hư hỏng	QĐ4902, 22/11/2023
7	Đèn lon	Cái	2	Hư hỏng	QĐ4902, 22/11/2023
8	Đèn exit	Cái	34	Hư hỏng	QĐ4902, 22/11/2023
9	Đèn Emergency	Cái	18	Hư hỏng	QĐ4902, 22/11/2023
10	Đèn cao áp	Cái	3	Hư hỏng	QĐ4902, 22/11/2023
11	Đèn âm trần	Cái	4	Hư hỏng	QĐ4902, 22/11/2023
12	Đầu ghi hình Sanyo DSR2108	Bộ	4	Hư hỏng	
13	Bàn điều khiển	Bộ	2	Hư hỏng	
14	Camera PTZ VCC-MC800P	Bộ	2	Hư hỏng	
15	Camera PTZ VCC-MC600P	Bộ	2	Hư hỏng	
16	Camera PTZ indoor va-845A	Bộ	9	Hư hỏng	
17	Tủ UPS 20KVA	Cái	1	Hư hỏng	
18	Tủ UPS 80KVA	Cái	1	Hư hỏng	
19	Hộp đựng giấy inox	Cái	10	Hư hỏng	
20	CPU máy tính (HT thông báo bay)	Cái	18	Hư hỏng	
21	Màn hình 32 inch (HT thông báo bay)	Cái	9	Hư hỏng	
22	Màn hình 43 inch(HT thông báo bay)	Cái	4	Hư hỏng	





STT	Tên công cụ dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Hiện trạng	Đã được phê duyệt
23	Màn hình 55 inch (HT thông báo bay)	Cái	1	Hư hỏng	
24	Cabin công thu phí (HT Công thu phí lối vào SB BMT)	Cái	2	Thay thế hệ thống thu phí lần ra	
25	Quầy hành lý thất lạc (Trang trí nội thất nhà ga hành khách)	Cái	2	Hư hỏng	